

Số: **814** /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày **14** tháng **4** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Phước
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 -



2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Công văn số 86-CV/ĐU ngày 10/4/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về các nội dung Hội nghị lần thứ 30 khóa XI; kèm theo Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 09/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về các nội dung Hội nghị lần thứ 30 khóa XI;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 836/STC-THQH ngày 13 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết của ngành, địa phương, đơn vị và triển khai thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- TTTU; TT.HĐND tỉnh Bình Phước;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh Bình Phước;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số **814** /QĐ-UBND
ngày **14** tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là *Quy hoạch tỉnh*).

b) Xây dựng lộ trình cụ thể để triển khai các chương trình, dự án nhằm đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh, để tạo tiền tăng trưởng kinh tế - xã hội mạnh mẽ, phấn đấu tăng trưởng kinh tế đạt hai con số.

c) Xác định tiến độ, nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp cụ thể để thu hút nguồn thực hiện Quy hoạch tỉnh, trong đó chú trọng hợp tác công - tư (PPP) và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong và ngoài nhà nước.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 57/2024/QH15, tuân thủ các nội dung theo Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024.

b) Tuân thủ, kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương.

c) Nâng cao tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương và khả năng cân đối nguồn lực đầu tư. Tập trung đầu tư có trọng tâm,

trọng điểm; đẩy nhanh tiến độ triển khai sớm đưa dự án vào khai thác sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

d) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, “lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước” để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công

a) Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng gắn với các hành lang phát triển kinh tế hành lang theo Quốc lộ 13 từ Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Bình Phước; hành lang kinh tế Tây Nguyên - Đông Nam Bộ gắn với đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây, hành lang vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh với các Khu công nghiệp Đông Nam huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; hạ tầng y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại ba vùng phát triển và ba trục động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả; hạ tầng thông tin, truyền thông, chuyển đổi số để thu hút các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

b) Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh: tại Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại ba vùng phát triển và ba trục động lực của tỉnh.

b) Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: hệ thống hạ tầng giao thông; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng khu kinh tế, hạ tầng thương mại cửa khẩu; cụm ngành chế biến điều, chế biến cao su và gỗ, chế biến thực phẩm; các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các dự án công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển năng lượng

tái tạo, nguồn điện; các dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường, đô thị, dân cư, thương mại, dịch vụ, du lịch.

c) Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh: tại Phụ lục kèm theo.

3. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Kế hoạch thực hiện quy hoạch bám sát Quy hoạch của tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023, để đạt mục tiêu Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tỉnh Bình Phước dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 600.000 tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021-2030	
	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Nguồn vốn khu vực nhà nước	19% (tương đương 40.000 tỷ đồng)	15% (tương đương 60.000 tỷ đồng)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	57% (tương đương 120.000 tỷ đồng)	46% (tương đương 180.000 tỷ đồng)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	24% (tương đương 50.000 tỷ đồng)	39% (tương đương 150.000 tỷ đồng)
Tổng cộng	210.000 tỷ đồng	390.000 tỷ đồng

III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, cấp Vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước theo quy định của Luật Quy hoạch.

b) Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn¹ trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch.

c) Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực đề thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, đặc biệt là cơ chế, chính sách cho khu vực động lực, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng kết nối cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành; cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia

¹ Khoản 4 Điều 5 Luật số 57/2024/QH15 quy định: điểm a khoản 19 và khoản 20 Điều 1 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); hạ tầng liên vùng, liên huyện, khu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại thành phố Đồng Xoài; sân bay chuyên dùng Hớn Quản; hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế và cụm công nghiệp; khuyến khích phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao.

d) Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các tỉnh, thành phố khác trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của nhau để cùng phát triển trên một số lĩnh vực như: phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; xúc tiến thương mại và đầu tư; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên Vùng; phát triển nhân lực, bao gồm đào tạo và sử dụng lao động; phát triển ngành y tế, khám chữa bệnh; phát triển công nghiệp (cung cấp nguyên liệu, xây dựng các khu, cụm công nghiệp...); cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và phối hợp phát triển; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Tập trung nguồn lực của Nhà nước để đầu tư, phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng thương mại cửa khẩu, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng số, trong đó chú trọng hạ tầng giao thông liên Vùng và hạ tầng xã hội. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn giữa Trung ương và địa phương, có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Đẩy mạnh huy động nguồn lực từ hợp tác công - tư, xã hội hóa, đặc biệt cho các dự án trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó chú trọng thực hiện đột phá về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, có lợi thế cạnh tranh vượt trội, phục vụ cho doanh nghiệp và người dân. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư như quỹ đất sạch, nguồn nhân lực chất lượng cao, bổ sung chính sách và các biện pháp để phát triển công nghiệp.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư. Thu hút đầu tư có chọn lọc, chú trọng thu hút các dự án công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, ít thâm dụng lao động, tài nguyên và thân thiện với môi trường; cụm liên kết ngành, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá, thể thao, du lịch, khoa học - công nghệ, môi trường...

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động trong những lĩnh vực trọng yếu đạt trình độ cao, tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài cho tỉnh; liên kết có hiệu quả với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên sâu trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thực hiện hoàn thành việc lập phân hiệu trường Đại học sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Bình Phước

b) Thu hút lực lượng lao động từ ngoài tỉnh để đáp ứng nhu cầu, nhất là lao động phục vụ các ngành dịch vụ vận tải, logistics, thương mại du lịch....

c) Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ số, phối hợp với doanh nghiệp để tạo ra lực lượng lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số.

4. Về khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số

a) Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đảm bảo nguồn lực chi đối với lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới hạ tầng khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu triển khai (R&D), trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học và công nghệ.

- Triển khai quy hoạch và xây dựng khu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện cho các trường đại học, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Hình thành sàn giao dịch công nghệ của tỉnh, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực và quốc tế. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trong đó đẩy mạnh phát triển các tổ chức môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

b) Giải pháp chuyển đổi số

- Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển hệ thống thông tin địa lý (GIS) và cơ sở dữ liệu mở, cho phép thu thập, phân tích và chia sẻ dữ liệu quy hoạch. Ứng dụng công nghệ 4.0 như sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn... để phân tích dữ liệu, dự báo xu hướng phát triển và tối ưu hóa các dự án hạ tầng.

- Thiết lập các nền tảng số để cải thiện quy trình làm việc của các cơ quan nhà nước, giảm thiểu thủ tục hành chính, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả công việc, đảm bảo mọi người đều có thể tiếp cận và sử dụng công nghệ trong các lĩnh vực liên quan đến quy hoạch, đầu tư, xây dựng, tài chính.... Tổ chức các chương trình đào tạo để nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức.

d) Giải pháp kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển nền tảng thương mại điện tử, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và du lịch, nhằm tăng cường kết nối sản phẩm với thị trường trong và ngoài nước một cách nhanh chóng và hiệu quả.

- Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghệ thông tin, phần mềm và dịch vụ số; ưu tiên đầu tư các chương trình đào tạo nghề về công nghệ thông tin, AI, dữ liệu lớn và các kỹ năng số cho người lao động, tạo ra lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số.

5. Về an sinh xã hội

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo trên cơ sở tăng định mức, cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, nhóm yếu thế.

b) Tạo nhiều việc làm bền vững, chất lượng và có thu nhập cao; giảm thất nghiệp; chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động theo hướng phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

c) Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

d) Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định. Đẩy mạnh các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

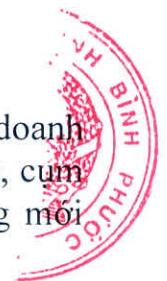
đ) Tổ chức hiệu quả các chính sách và pháp luật về trẻ em, các chương trình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

6. Bảo vệ môi trường

a) Thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; các dự án xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung mới được tiếp nhận doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư hoạt động.

b) Kiểm soát tốt nguồn phát thải khí nhà kính lớn trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở, doanh nghiệp. Xây dựng Chương trình giảm thiểu khí cac-bon trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện.

c) Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường. Nâng cao nhận thức tạo sự thống nhất cao về thực hiện các cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu; hướng dẫn các cơ sở triển khai thực hiện các quy định về giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.



d) Khuyến khích các dự án năng lượng mặt trời và sinh khối nhằm khai thác tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo, giúp giảm thiểu ô nhiễm và phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch. Thiết lập các biện pháp sử dụng công nghệ để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ các khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

đ) Khuyến khích các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành công nghiệp và nông nghiệp; tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu rác thải; các cơ sở sản xuất áp dụng các công nghệ sạch để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tổ chức thực hiện công tác quản lý và khai thác nguồn thu ngân sách nhà nước hiệu quả; kịp thời xử lý, tháo gỡ các vướng mắc về thu ngân sách. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, đúng quy định việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

b) Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Huy động từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi nước ngoài, nguồn vốn viện trợ để thực hiện đề án, dự án của địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm, tăng cường liên kết Vùng... Thực hiện khai thác có hiệu quả quỹ đất vùng phụ cận các đường kết nối quy hoạch tạo nguồn vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các hạ tầng khác.

c) Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết Vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước, chính quyền về công tác quốc phòng - an ninh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước.

b) Xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh theo hướng nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, công tác huấn luyện tác chiến, triển khai hiệu quả đề án, kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, an ninh, phù hợp với bối cảnh, tình hình, thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước. Xây dựng lực lượng Quân đội, Công an nòng cốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

d) Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, chú trọng nguồn lực hậu cần - kỹ thuật, cơ sở vật chất, hạ tầng và tiềm lực kinh tế quốc phòng - an ninh phục vụ công tác, chiến đấu của các lực lượng.

đ) Tăng cường, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng - an ninh phục vụ yêu cầu công tác quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

e) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bình Phước.

f) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các cơ quan liên quan thực hiện hiệu quả chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh, đồng thời đảm bảo không ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương, các ngành để đảm bảo việc giám sát, kiểm tra và cập nhật thông tin về tình hình sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thường xuyên đăng tải các nội dung Quy hoạch, Kế hoạch thực Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, địa phương, nhằm cung cấp kịp thời những thông tin về quy hoạch; giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế, các dự án ưu tiên của tỉnh, để các nhà đầu tư, doanh nghiệp và nhân dân tìm hiểu, nắm bắt tư duy, tầm nhìn, không gian phát triển của tỉnh. Thông qua đó để thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực hiện thực hóa Quy hoạch tỉnh; đồng thời nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao để thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh.

b) Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể hóa nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo thực hiện đúng tiến độ theo Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch và theo quy định hiện hành.

c) Rà soát Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp có mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn, chủ động báo cáo đề xuất với cơ quan lập quy hoạch để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

2. Sở Tài chính thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; tổng hợp báo Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, giải pháp và những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

b) Tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về hoạt động quy hoạch gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.

c) Căn cứ báo cáo thực hiện quy hoạch, trường hợp đảm bảo nguyên tắc, căn cứ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin chủ trương Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế./.



Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA TỈNH²
Kèm theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 14 / 4 / 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

STT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021-2025	2026-2030	
A	DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA			
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (PPP)
2	Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	x	x	Ngân sách nhà nước
B	CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN			
I	Giao thông			
1	Đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	x		Ngân sách nhà nước
2	Mở rộng QL13 từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	x		Ngân sách nhà nước
3	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	x		Ngân sách nhà nước
4	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới (đường Minh Lập – Lập Hiệp)	x		Ngân sách nhà nước
5	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài – Chơn Thành	x	x	Ngân sách nhà nước
6	Đường từ ngã ba Đồng Tâm huyện Lộc Ninh đi thị xã Phước Long		x	Ngân sách nhà nước
7	Dự án ĐT 752 kéo dài và Long Tân - Tân Hưng		x	Ngân sách nhà nước
8	Xây dựng tuyến đường Đồng Phú - Bình Dương	x	x	Ngân sách nhà nước, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (PPP)
9	Xây dựng tuyến đường Chơn Thành - Đồng Phú		x	Ngân sách nhà nước
10	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết	x	x	Ngân sách nhà nước

² Thực hiện theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 18/02/2023 của Chính phủ: “Việc định hướng phân kỳ đầu tư triển khai các dự án trong quy hoạch theo giai đoạn 5 năm và theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.”.

	nối Bàu Bàng			
11	Xây dựng tuyến đường Minh Lập – Bù Nho, Phú Riềng		x	Ngân sách nhà nước
12	Nâng cấp, mở rộng ĐT. 753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành, Bình Phước và cảng Cái Mép - Thị Vải, Bà Rịa Vũng Tàu	x	x	Ngân sách nhà nước
13	Xây dựng Đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT755 nối ĐT753	x		Ngân sách nhà nước
14	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư		x	Ngân sách nhà nước
15	Xây dựng các đường kết nối QL14 với các hồ bậc thang Suối Cam		x	Ngân sách nhà nước
16	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14		x	Ngân sách nhà nước
17	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	x	x	Ngân sách nhà nước
18	Đường từ QL14 xã Minh Thắng đi sân bay Technic		x	Ngân sách nhà nước
19	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú – Bình Dương)		x	Ngân sách nhà nước
20	Xây dựng đường tránh phía đông QL13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh		x	Ngân sách nhà nước
21	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	x		Ngân sách nhà nước
22	Xây dựng đường kết nối Hớn Quản ra QL,14 (Nha Bích, thị xã Chơn Thành)		x	Ngân sách nhà nước
23	Xây dựng đường cấp theo đường dây 500kV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú		x	Ngân sách nhà nước
24	ĐT.757 kéo dài		x	Ngân sách nhà nước
25	ĐT. Tân Khai - Quốc lộ 14		x	Ngân sách nhà nước
26	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà		x	Ngân sách nhà nước
27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL14C)	x		Ngân sách nhà nước
28	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	x		Ngân sách nhà nước
29	Đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành	x	x	Ngân sách nhà nước



	đai phía Tây hồ Suối Giai)			
30	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (Lam Sơn - Tân Phước)	x		Ngân sách nhà nước
31	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản		x	Ngân sách nhà nước
32	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nàm, thị xã Chơn Thành	x		Ngân sách nhà nước
33	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I		x	Ngân sách nhà nước
34	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập		x	Ngân sách nhà nước
35	Xây dựng đường kết nối các KCN khu vực thị xã Chơn Thành		x	Ngân sách nhà nước
36	Xây dựng Đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex		x	Ngân sách nhà nước
37	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)		x	Ngân sách nhà nước
38	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	x		Ngân sách nhà nước
39	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13)		x	Ngân sách nhà nước
40	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào cụm công nghiệp và khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	x		Ngân sách nhà nước
41	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	x		Ngân sách nhà nước
42	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	x	x	Ngân sách nhà nước
43	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	x	x	Ngân sách nhà nước
44	Nâng cấp mở rộng đường Phú Riềng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	x		Ngân sách nhà nước
45	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	x		Ngân sách nhà nước



46	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL14C)	x	x	Ngân sách nhà nước
47	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	x		Ngân sách nhà nước
48	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	x	x	Ngân sách nhà nước
49	Xây dựng 03 cảng cạn	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
II	Các dự án hạ tầng KKT, KCN, CCN, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
1	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng KCN Chơn Thành II	x		Ngân sách nhà nước
2	Các dự án hoàn thiện hệ thống thoát nước, nước thải các KCN	x	x	Ngân sách nhà nước
3	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư		x	Ngân sách nhà nước
4	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng bên ngoài các KCN dự kiến thành lập mới		x	Ngân sách nhà nước
5	Xây dựng các Khu công nghiệp Đông Nam huyện Đồng Phú	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
6	Mở rộng khu công nghiệp Bắc Đồng Phú GD 2	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
7	Mở rộng khu công nghiệp Nam Đồng Phú GD 2	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
8	Mở rộng khu công nghiệp Minh Hưng 3 GD 2	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
III	Dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp			
1	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy giết mổ, chế biến, gia súc, gia cầm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Dự án phát triển một số vùng trồng cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái trên địa bàn các huyện, thị xã	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
IV	Các dự án công nghệ cao			
1	Khu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại thành phố Đồng Xoài	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Các dự án nông nghiệp ứng dụng	x	x	Vốn ngoài nhà nước,

	công nghệ cao tỉnh Bình Phước			FDI
V	Các dự án năng lượng tái tạo, xử lý chất thải rắn			
1	Các nhà máy điện năng lượng mặt trời huyện Lộc Ninh	x		Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Các nhà máy điện năng lượng mặt trời huyện Hớn Quản		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
3	Nhà máy điện sinh khối Bình Phước		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
4	05 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
VI	Các dự án hạ tầng xã hội và an ninh quốc phòng			
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa		x	Ngân sách nhà nước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy	x		Ngân sách nhà nước
3	Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội	x		Ngân sách nhà nước
4	Đầu tư xây dựng các trường THPT, THCS	x	x	Ngân sách nhà nước
5	Đầu tư thiết bị phần mềm, cơ sở dữ liệu, xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh	x		Ngân sách nhà nước
6	Các dự án quốc phòng an ninh	x	x	Ngân sách nhà nước
7	Trường phổ thông liên cấp chất lượng cao (từ Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông)	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
8	Trường đại học hoặc Phân hiệu đại học	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
9	Trường đào tạo nghề trình độ trung cấp và cao đẳng	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
10	Bệnh viện đa khoa tư nhân huyện Lộc Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
11	Bệnh viện đa khoa tư nhân thị xã Bình Long	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
12	Bệnh viện đa khoa tư nhân thị xã Phước Long	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
13	Bệnh viện đa khoa tư nhân thành phố Đồng Xoài	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
VII	Phát triển cụm ngành điều, cụm ngành chế biến gỗ - cao su, chế biến trái cây			
1	Dự án chuỗi liên kết sản xuất điều theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, tiêu chuẩn HACPP	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Nhà máy sản xuất dầu từ vỏ hạt điều tinh lọc xuất khẩu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
3	Nhà máy sản xuất Snack hạt điều	x	x	Vốn ngoài nhà nước,



	nhân và các loại hạt khác			FDI
4	02 Cụm công nghiệp chế biến chuyên ngành điều	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
5	Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ, gia dụng, đồ gỗ nội, ngoại thất xuất khẩu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
6	Nhà máy chế biến các sản phẩm từ mủ cao su	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
7	02 Cụm công nghiệp chế biến chuyên ngành gỗ	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
8	Nhà máy chế biến bột: sắn riềng, trái cây, hạt xuất khẩu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
9	Nhà máy cấp đông sắn riềng, bơ xuất khẩu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
10	Nhà máy sản xuất nước chanh dây, trái cây khác đóng lon	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
11	Cụm công nghiệp chế biến trái cây	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
VIII	Phát triển cụm ngành công nghiệp hỗ trợ - chế tạo			
1	Nhà máy sản xuất, lắp ráp thiết bị điện - điện tử	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Nhà máy sản xuất khuôn, đúc	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
3	Nhà máy sản xuất thiết bị, phụ tùng	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
4	Nhà máy sản xuất lớp xe chuyên dụng	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
5	Nhà máy cơ khí chế tạo	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
6	Nhà máy dệt; sản xuất linh phụ kiện cho ngành dệt may	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
IX	Phát triển cụm ngành dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu nông sản			
1	Nhà máy chiếu xạ trái cây, hạt	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Nhà máy tiệt trùng UHT trái cây	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
X	Dự án đầu tư xây dựng chợ, trung tâm thương mại			
1	Xây dựng 13 trung tâm thương mại	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Xây dựng 15 siêu thị	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI



3	Hệ thống bán buôn, chợ đầu mối; các cửa hàng tiện ích; hạ tầng thương mại biên giới	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
XI	Lĩnh vực đô thị - dân cư, thương mại - dịch vụ - du lịch			
1	Khu đô thị mới thành phố Đồng Xoài	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
2	Khu đô thị nghỉ dưỡng cao cấp thành phố Đồng Xoài	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
3	Khu phức hợp sân Golf, đô thị và thương mại	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
4	Khu đô thị, du lịch sinh thái hồ Suối Giai và tây Hồ Bà Mụ	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
5	Các khu đô thị, du lịch, công viên văn hóa cộng đồng	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
6	Các khu dân cư huyện Đồng Phú	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
7	Trung tâm cung cấp dịch vụ cho người cao tuổi	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
8	Các dự án trọng điểm về du lịch	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
9	Khu du lịch sinh thái trảng cỏ Bù Lạch, huyện Bù Đăng	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
10	Khu du lịch Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
11	Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
12	Khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bù Gia Mập	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
13	Khu quần thể văn hóa - cứu sinh núi Bà Rá	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
14	Khu du lịch Đảo yến Sơn Hà	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
15	Khu du lịch sinh thái Cù lao, huyện Bù Đốp	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
XII	Các dự án nhà máy cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án.

- Quy mô diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các công trình, dự án đầu tư công và ngoài ngân sách sẽ được tính toán, xác định cụ thể trong từng giai đoạn trong quá trình triển khai theo các quy định của pháp luật liên quan.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, hướng tuyến chính xác của dự án được cụ thể hóa trong Quy hoạch đô thị và nông thôn, Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất, Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư của các chương trình, dự án.

- Việc chấp thuận hoặc quy định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

- Đầu tư các dự án nhà máy cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh căn cứ vào Phương án phát triển hạ tầng cấp nước trong Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch đô thị và nông thôn, Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất, Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư phải bảo đảm phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực hiện, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và phải theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

